

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đất, giao khoán đất đối với Công ty cổ phần mía đường La Ngà

Thực hiện Quyết định thanh tra số 2941/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đất, giao khoán đất đối với Công ty cổ phần mía đường La Ngà. Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra tại đơn vị từ ngày 09/11/2022 đến ngày 04/4/2023.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 217/BC-ĐTT ngày 24/7/2023 của Trưởng Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần mía đường La Ngà (sau đây gọi là Công ty), tiền thân là Xí nghiệp liên hợp công nông nghiệp mía đường La Ngà, trên cơ sở hợp nhất 03 đơn vị: Nhà máy đường La Ngà, Nông trường mía Phú Ngọc và Nông trường mía Cao Cang do Xí nghiệp liên hợp công nông nghiệp mía đường II quản lý, theo Quyết định thành lập số 55/CNTP-TCCB ngày 20/09/1986 của Bộ Công nghiệp thực phẩm.

Ngày 14/03/1991, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm có Quyết định số 51/NN-TCCB/QĐ giải thể và tổ chức lại Xí nghiệp liên hợp công nông nghiệp mía đường La Ngà thành Xí nghiệp Nông - Công nghiệp mía đường La Ngà trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Công - Nông nghiệp mía đường II.

Ngày 06/01/1993, Bộ Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm có Quyết định số 17/NN-TCCB-QĐ thành lập doanh nghiệp Nhà nước: Xí nghiệp Nông Công nghiệp mía đường La Ngà thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.

Ngày 04/01/1995, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm có Quyết định số 02/NN-TCCB/QĐ, đổi tên Xí nghiệp Nông - Công nghiệp mía đường La Ngà thành Công ty mía đường La Ngà.

Ngày 14/01/2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 07/2000/QĐ-TTg về việc chuyển Công ty mía đường La Ngà thành Công ty. Công ty bắt đầu hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần mía đường La Ngà kể từ ngày 23/03/2000 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000006.

Hiện Công ty có cơ cấu tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, 05 Phòng chuyên môn, 02 Nhà máy (Nhà máy Đường và Nhà máy phân bón hữu cơ La Ngà) và 03 Nông trường mía trực thuộc (Nông trường

1, nông trường 2, nông trường 3), với tổng số nhân sự đến ngày 10/11/2022 là 38 người.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT

1. Hồ sơ pháp lý về đất đai của Công ty cổ phần mía đường La Ngà

1.1. Việc cho thuê đất tại các xã: Phú Ngọc, Gia Canh của huyện Định Quán và các xã: Xuân Bắc, Suối Cao của huyện Xuân Lộc (theo Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 14/11/2007):

Trên cơ sở báo cáo kết quả tự rà soát của Công ty và Tờ trình số 822/TTr-STNMT ngày 30/10/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là STNMT), UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 14/11/2007 về công nhận kết quả rà soát, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho Công ty với diện tích 4.224,690 ha.

Trong đó, diện tích sử dụng đúng mục đích là 3.523,41 ha; diện tích đã bố trí làm nhà ở cho gia đình, cán bộ, công nhân viên của Công ty là 268,22 ha; diện tích đất bị lấn, bị chiếm là 334,23 ha; diện tích đất chưa sử dụng là 98,84 ha. Trong tổng diện tích 4.224,690 ha, UBND tỉnh đã giao, cho thuê đất và xử lý diện tích còn tồn tại, cụ thể như sau:

- Diện tích đất thuê theo hình thức thuê trả tiền hàng năm là 3.173,4134 ha, gồm: Đất sản xuất nông nghiệp: 3.111,7159 ha; Đất rừng sản xuất: 58,0512 ha; Đất nông nghiệp khác: 0,1606 ha; Đất trụ sở nông trường: 1,4495 ha (phi nông nghiệp); Đất làm nơi tập luyện thể dục – thể thao: 2,0362 ha;

- Diện tích đất giao theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất là 44,3347 ha (đất rừng phòng hộ).

- Diện tích còn lại cần phải xử lý là 1.006,9486 ha, gồm: Đất làm trường học: 0,9436ha; Đất làm đường giao thông: 139,9443 ha; Đất thủy lợi: 10,0442 ha; Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 1,9256 ha; Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng: 152,8032 ha; Đất bố trí làm nhà ở của hộ gia đình, cán bộ, công nhân viên đang làm việc hoặc nghỉ hưu, nghỉ việc theo chế độ: 268,2153 ha; Đất bị lấn, bị chiếm: 334,2295 ha; Đất chưa sử dụng: 98,8429 ha.

b) Việc thuê đất đối với khu đất tại xã La Ngà, huyện Định Quán

Ngày 31/5/2001, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 674/QĐ-TTg cho Công ty thuê 2,4824 ha đất để đầu tư xây dựng Xưởng sản xuất phân bón vi sinh hữu cơ tại xã La Ngà, huyện Định Quán và UBND tỉnh Đồng Nai đã cấp GCNQSDĐ cho Công ty tại Quyết định số 68/QĐ.CT.UBT ngày 10/1/2002. Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất số 423/HĐ/ĐT.Trn ngày 14/11/2001, ký phụ lục hợp đồng thuê đất số 423/PLHĐĐTĐ 26/09/2008 với Sở Địa chính (nay là STNMT).

Ngày 30/6/2004, UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định 2680/QĐ.CT.UBT ngày 30/6/2004 chấp thuận cho thuê đất và cấp GCNQSDĐ với diện tích là 9,4968 ha để sử dụng vào mục đích sản xuất chế biến đường và ván ép, thời hạn 50 năm kể từ ngày 14/1/2000. Ngày 16/7/2004, STNMT đã ký Hợp đồng thuê đất số

88/HĐ/TĐ.Trn, ký phụ lục hợp đồng thuê đất số 88/PLHĐTĐ 05/10/2012 với Công ty.

Ngày 23/01/2014, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 238/QĐ-UBND thu hồi 1,5224 ha đất của Công ty tại xã La Ngà (Khu đất Xí nghiệp 4 cũ, đã trừ 426,7 m² đất khu Cửa hàng giới thiệu sản phẩm) để giao UBND xã La Ngà quản lý.

Ngày 20/9/2019, UBND tỉnh Đồng Nai ký Quyết định số 2963/QĐ-UBND công nhận hiện trạng sử dụng khu đất Công ty sử dụng làm Cửa hàng giới thiệu sản phẩm và đến ngày 29/6/2020 được cấp GCNQSDĐ với diện tích 668,7 m² (Trong đó: diện tích được cấp là 450 m², còn lại 218,7 m² được sử dụng nhưng không được cấp). Ngày 10/06/2020, STNMT đã ký Hợp đồng thuê đất số 70/HĐTĐ với Công ty.

Qua kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, tài liệu còn những tồn tại như sau:

- Theo Biên bản bàn giao, thì phần diện tích đất tại xã La Ngà, huyện Định Quán có 0,02 ha trạm bơm bờ sông; 3,0926 ha khu ao cá và 0,1 ha khu trạm xá cũ tại xã chưa lập thủ tục thuê đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Theo biên bản làm việc ngày 29/3/2023, Công ty xác định: Khu ao cá với diện tích 3,0927 ha này có chức năng điều hòa, xử lý nguồn nước thải của khu dân cư lân cận và được Công ty quản lý sử dụng trong nhiều năm qua. Công ty có giao cho hội Cựu chiến binh của Công ty quản lý, chăn nuôi thủy sản để tạo nguồn kinh phí hoạt động. Đến năm 2017, Hội Cựu Chiến binh cho người khác thuê để nuôi cá. Phát hiện vi phạm này, Công ty đã yêu cầu lập thủ tục thanh lý ngày 23/11/2020; tuy nhiên đến nay, Công ty chưa xử lý, thanh lý với hộ gia đình, cá nhân, để nhận lại ao cá đưa vào quản lý sử dụng.

- UBND xã La Ngà, UBND huyện Định Quán xác định diện tích 3,0927 ha khu ao cá do UBND xã quản lý, đề xuất đưa vào đất công do Nhà nước quản lý được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 24/8/2018, dẫn tới Công ty không lập thủ tục thuê đất.

- UBND huyện Định Quán cấp 02 GCNQSDĐ/02 thửa cho cá nhân trùng vào diện tích trạm xá cũ do Công ty quản lý, thuộc trong ranh giới khu đất mà UBND tỉnh giao cho Công ty quản lý, sử dụng theo Quyết định số 3960/QĐ-UBND.

2. Về thực hiện Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 14/11/2007 của UBND tỉnh

2.1. Về cấp GCNQSDĐ

Thực hiện Quyết định số 3960/QĐ-UBND, ngày 31/7/2008, STNMT thừa ủy quyền UBND tỉnh ký cấp 18 GCNQSDĐ với tổng diện tích 3.242,8069 ha, cụ thể: có 04 GCNQSDĐ cấp với tổng diện tích 3.239,6386 ha/3.595 thửa đất; mục đích sử dụng là đất nông nghiệp, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2043, nguồn gốc sử dụng do Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Gồm: đất nông nghiệp tại: xã Phú Ngọc với diện tích 2.321,9047 ha/2855 thửa đất, GCNQSDĐ số AL579800; xã Xuân Bắc với diện tích 63,3368 ha/33 thửa đất, GCNQSDĐ số AL579799; xã Gia

Canh với diện tích 825,5539 ha/685 thửa đất, GCNQSDĐ số AL579801; xã Suối Cao với diện tích 28,8432 ha/22 thửa đất, GCNQSDĐ số AL579802. Sở TNMT đã phát hành 04 Giấy CNQSDĐ cho Công ty ngày 28/8/2016.

- Đối với 14 GCNQSDĐ, với diện tích 3,1683 ha/14 thửa đất, mục đích sử dụng: Đất cơ sở thể dục thể thao, Đất trụ sở, Đất thủy lợi; thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2043; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Đến nay STNMT chưa phát các GCNQSDĐ này do chưa ký hợp đồng thuê đất.

2.2. Về việc xác định đơn giá thuê đất và ký Hợp đồng thuê đất

2.2.1. Về xác định đơn giá thuê đất

- Ngày 17/12/2007, STNMT có Phiếu chuyển số 1031/PC-STNMT đề nghị Sở Tài chính xác định giá đất cho Công ty theo kết quả rà soát tại Quyết định số 3960/QĐ-UBND, theo đó, đề nghị xác định đơn giá thuê đất đối với diện tích 3.173,4134 ha (đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp) Công ty được UBND tỉnh cho thuê đất.

Ngày 02/7/2013, STNMT đã có Văn bản số 2461/STNMT-QH gửi Sở Tài chính đề nghị xác định đơn giá thuê đất theo Phiếu chuyển số 1031/PC-STNMT ngày 17/12/2007 nêu trên.

Ngày 25/3/2015, Sở Tài chính có Văn bản số 956/STC-GCS về xác định đơn giá thuê đất của Công ty tại huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc, theo đó, Sở Tài chính chỉ xác định đơn giá thuê đất đối với đất nông nghiệp. Riêng đối với diện tích đất phi nông nghiệp (3,4858 ha) đến nay chưa xác định đơn giá thuê đất (theo Văn bản số 1666/STC-QLG&CS ngày 03/04/2023 của Sở Tài chính).

2.2.2. Về ký hợp đồng thuê đất

Ngày 25/11/2015, STNMT và Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất số 111/HĐTD với diện tích đất thuê là 3.239,6386 ha (diện tích đất đã được cấp tại 04 GCNQSDĐ nêu trên). Vị trí, ranh giới và diện tích được xác định theo 39 tờ trích lục và biên vẽ bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh (viết tắt là VPĐKĐĐ tỉnh) xác lập ngày 07/10/2015 và 02/11/2015;

Ngày 11/10/2019, STNMT đã ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 111/PLHĐTD-1 với Công ty với diện tích 3.222,8923 ha (đất nông nghiệp), giảm 16,746 ha so với Hợp đồng thuê đất đã ký. Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo 38 Tờ bản đồ trích lục và biên vẽ bản đồ địa chính khu đất số 1839, 1840, 1842, 1843/2018, tỷ lệ 1/1000 và 1/2000 do Trung tâm Kỹ thuật Địa chính - Nhà đất xác lập ngày 24/10/2018, VPĐKĐĐ tỉnh xác nhận ngày 26/10/2018.

2.3. Về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất chi tiết theo Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 09/5/2008

Trên cơ sở đề nghị của Công ty, STNMT có Tờ trình số 291/TTr-TNMT ngày 03/04/2008 trình UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1465/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết giai đoạn 2007 - 2010 của Công ty. Theo hồ sơ quy hoạch được duyệt, diện tích đất Công ty giữ lại tiếp tục sử dụng 3.858,27 ha.

Phương án xử lý diện tích 602,45 ha gồm: đất bố trí cho cán bộ công nhân viên làm nhà ở 268,22 ha (Công ty thực hiện thu hồi là 111,23 ha, bàn giao cho địa phương là 156,98 ha); đất bị lấn, chiếm 334,23 ha (Công ty thực hiện thu hồi là 237,22 ha, bàn giao cho địa phương là 97,01 ha).

Tổng diện tích đất dự kiến bàn giao địa phương quản lý, thực hiện các dự án theo quy hoạch của địa phương 366,42 ha gồm: đất đã giao cho cán bộ công nhân viên làm nhà ở là 156,98 ha; đất bị lấn, chiếm là 97,01 ha; đất để thực hiện các dự án theo quy hoạch được duyệt là 37,76 ha; bàn giao diện tích đất không trồng được mía là 74,67 ha.

2.4. Về việc thu hồi đất giao địa phương quản lý tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 27/05/2009

- Việc tham mưu UBND tỉnh thu hồi đất của Công ty giao về địa phương quản lý:

Trên cơ sở Quyết định số 1465/QĐ-UBND, diện tích dự kiến bàn giao cho địa phương quản lý là 366,42 ha. Công ty có Tờ trình số 518/TTr/CPMĐLN ngày 17/07/2008 và UBND huyện Định Quán có Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 25/02/2009 (kèm hồ sơ đề nghị thu hồi đất, bản đồ thể hiện vị trí, ranh giới và diện tích đất thu hồi) đề nghị thu hồi 316,02 ha đất do Công ty đang quản lý để bàn giao địa phương quản lý, STNMT có Tờ trình số 391/TTr-TNMT ngày 22/05/2009, được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1501/QĐ-UBND thu hồi 316,02 ha đất của Công ty tại xã Phú Ngọc và xã Gia Canh, huyện Định Quán (xã Phú Ngọc 124,64 ha; xã Gia Canh 191,37 ha). Vị trí ranh giới các khu đất được xác định theo 15 tờ Trích lục bản đồ địa chính khu đất, tỷ lệ 1/2000 do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán xác lập, Công ty ký xác nhận, UBND huyện Định Quán ký ngày 25/02/2009 (thực tế chỉ có 14 tờ bản đồ địa chính theo báo cáo số 73/BC-UBND ngày 20/02/2019 của UBND huyện Định Quán).

- Việc công bố Quyết định, cắm mốc, xác định ranh giới đất UBND tỉnh thu hồi giao cho địa phương quản lý theo Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 27/5/2009:

Ngày 18/6/2009, STNMT đã tổ chức công bố Quyết định số 1501/QĐ-UBND, thành phần gồm có đại diện các đơn vị: STNMT, UBND huyện Định Quán (ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường), Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán, UBND xã Phú Ngọc, UBND xã Gia Canh và Công ty. Tại Biên bản công bố có nội dung: giao UBND huyện Định Quán phối hợp với Công ty, UBND xã Phú Ngọc, xã Gia Canh tổ chức cắm mốc ranh giới khu đất bàn giao cho UBND xã Phú Ngọc và xã Gia Canh quản lý; đồng thời, đại diện Công ty đã có ý kiến đề nghị STNMT và các đơn vị liên quan xem xét lại diện tích thu hồi trong Quyết định số 1501/QĐ-UBND vì nhận thấy có sự chênh lệch diện tích giữa Quyết định số 1465/QĐ-UBND và Quyết định số 1501/QĐ-UBND.

Đến năm 2018 UBND huyện Định Quán mới thực hiện đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới khu đất bàn giao.

Kết quả cắm mốc tại thực địa có sự chênh lệch về diện tích so với Quyết định số 1501/QĐ-UBND. Ngày 18/11/2019, UBND huyện Định Quán có Tờ trình

số 123/TT-UBND gửi STNMT đề nghị điều chỉnh Quyết định số 1501/QĐ-UBND. Tuy nhiên Công ty có Văn bản số 256/CV/MĐLN-TGD ngày 26/11/2021 đề nghị STNMT tạm dừng việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất.

3. Về việc lập và phê duyệt phương án sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2013

Thực hiện theo Luật đất đai năm 2013, từ năm 2014 đến năm 2022 Công ty chưa lập phương án sử dụng đất đối với diện tích Công ty đang quản lý, sử dụng để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đến ngày 03/03/2022, Công ty có Tờ trình số 24/TTr-MĐLN đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty trên địa bàn xã Xuân Bắc, Suối Cao, huyện Xuân Lộc; xã La Ngà, xã Gia Canh, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán.

Ngày 13/4/2022, STNMT có Văn bản số 2303/STNMT-CCQLĐĐ gửi các Sở ban ngành và địa phương để lấy ý kiến thẩm định phương án sử dụng đất.

Ngày 26/10/2022, STNMT có Văn bản số 6283/STNMT-CCQLĐĐ gửi các Sở ban ngành và địa phương về việc khẩn trương thực hiện chỉ đạo UBND tỉnh tại Văn bản số 10366/UBND-KTH ngày 30/9/2022.

Đến nay, STNMT chưa nhận được đầy đủ ý kiến thẩm định của các đơn vị, địa phương nên chưa có cơ sở để thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty.

4. Về thực hiện nghĩa vụ tài chính của Công ty đối với hợp đồng thuê đất

Hợp đồng thuê đất số 111/HĐTĐ ngày 25/11/2015; hợp đồng thuê đất số 423/HĐTĐ ngày 14/11/2001; hợp đồng thuê đất số 70/HĐTĐ ngày 10/06/2020; hợp đồng thuê đất số 88/HĐTĐ ngày 16/07/2004. Tổng số tiền chậm nộp của 04 hợp đồng thuê đất trên tính đến 31/12/2022 là: 51.595.784 đồng (Hợp đồng 111: 25.761.745 đồng, Hợp đồng 70: 37.554 đồng, Hợp đồng 88: 23.652.867 đồng, Hợp đồng 423: 2.143.618 đồng). Đến nay, Công ty đã nộp đầy đủ số tiền chậm nộp nêu trên. (Phụ lục số 01).

5. Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân trong ranh giới khu đất do Công ty quản lý

5.1. Tình hình cấp GCNQSDĐ

Tính đến tháng 4/2023, UBND huyện Định Quán đã ký cấp 380 GCNQSDĐ/407 thửa/70,3 ha cho các hộ gia đình, cá nhân tại ấp 7 xã Phú Ngọc và xã La Ngà thuộc trong ranh giới khu đất của Công ty được UBND tỉnh giao quản lý, sử dụng. Cụ thể:

- Cấp 30 GCNQSDĐ/34 thửa/14,1 ha trùng với diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ cho Công ty – (Phụ lục số 02).

- Cấp 350 GCNQSDĐ/373 thửa/56,2 ha trong ranh giới khu đất của Công ty chưa được cấp GCNQSDĐ - (Phụ lục số 03).

* Phân loại theo thời điểm cấp GCNQSDĐ

- Cấp GCNQSDĐ trước ngày 14/11/2007 (thời điểm UBND tỉnh ký Quyết định số 3960/QĐ-UBND): 08 GCNQSDĐ/14 thửa/9,4 ha

- Cấp GCNQSDĐ sau ngày 14/11/2007 (thời điểm UBND tỉnh ký Quyết định số 3960/QĐ-UBND): 372 GCNQSDĐ/393 thửa/60,9 ha.

* Phân loại theo hình thức cấp GCNQSDĐ: Cấp dạng đồng loạt (dạng tập trung) có 379 GCNQSDĐ; Cấp dạng lẻ (theo nhu cầu của người sử dụng đất) có 01 GCNQSDĐ/04 thửa (gồm: Thửa đất số 22, 28, 43, 44 tờ bản đồ số 62 xã Phú Ngọc).

5.1.1. Việc rà soát, đối chiếu thông tin sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân với hồ sơ kê khai đăng ký mà UBND huyện Định Quán ký cấp GCNQSDĐ

Đoàn Thanh tra đã mời làm việc được với 183 hộ/253 hộ gia đình/407 thửa/380 GCNQSDĐ (02 đợt) để thu thập thông tin về đất đai (183 Phiếu thu thập thông tin đã được lưu chung từng hồ sơ cấp GCNQSDĐ). Đối chiếu với hồ sơ kê khai đăng ký, kết quả thể hiện:

- Đa số các hộ dân kê khai các khu đất (gồm đất ở và đất nông nghiệp) có nguồn gốc sử dụng đất do Nông trường mía đường Phú Ngọc (là tiền thân của Công ty) cấp trong giai đoạn từ 1985 - 1990. Tuy nhiên khi thẩm định việc cấp GCNQSDĐ thì tại hồ sơ lưu trữ không có tài liệu minh chứng việc “cấp đất” này.

- Theo thông tin do các hộ dân cung cấp, hiện trạng tại khu đất nông nghiệp do các hộ dân sử dụng đã không còn trồng mía hơn 10 năm nay.

- Trong quá trình sử dụng đất, các hộ gia đình có xây dựng nhà, canh tác cây trồng khác (ngoài cây mía) nhưng đến nay UBND xã Phú Ngọc, Công ty và các cơ quan có thẩm quyền chưa xem xét xử lý.

5.1.2 Việc thẩm định, cấp GCNQSDĐ

a) Đối với 8 GCNQSDĐ/14 thửa đất được cấp GCNQSDĐ theo Luật Đất đai năm 1993, thiếu thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm c, d, đ khoản 3 mục I Chương 3 Thông tư 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001: Quyết định thành lập Hội đồng đăng ký đất đai, biên bản họp Hội đồng đăng ký đất đai (xét duyệt chi tiết của hồ sơ), Tờ trình của UBND xã Phú Ngọc, biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất (Phụ lục số 04).

b) Đối với 372 GCNQSDĐ/393 thửa đất được cấp GCNQSDĐ theo Luật Đất đai năm 2003 (thời điểm ký cấp các GCNQSDĐ từ 2010 – 2013) (Phụ lục số 05).

- Nội dung xác nhận của UBND xã Phú Ngọc, xã La Ngà và việc thẩm định của Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất huyện Định Quán (nay là Văn phòng Đăng ký Đất đai - Chi nhánh Định Quán) không đúng, không đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ Hướng dẫn Thi hành Luật Đất đai năm 2003; khoản 2, 3 Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 (về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt).

- Không thực hiện Công bố công khai kết quả kiểm tra (nguồn gốc sử dụng đất, hiện trạng, quy hoạch sử dụng đất,...) tại trụ sở UBND xã trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP.

- Thành phần hồ sơ, thiếu tài liệu “*Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất (đối với nơi chưa có bản đồ địa chính) để Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND cùng cấp ký GCNQSDĐ...*” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP.

- Tại hồ sơ kê khai đăng ký đất đai, người sử dụng đất không kê khai cụ thể mục đích sử dụng đất nông nghiệp (cây hàng năm hay cây lâu năm), đất ở không nêu thời điểm làm nhà ở. Khi thẩm tra, UBND xã, Văn phòng Đăng ký đất đai, phòng Tài nguyên và Môi trường không làm rõ nội dung này mà căn cứ theo thông tin loại đất trên bản đồ địa chính để tham mưu UBND huyện ký cấp GCNQSDĐ.

- Tất cả hồ sơ cấp GCNQSDĐ đều được UBND xã xác nhận “phù hợp quy hoạch” không nêu rõ thông tin pháp lý của quy hoạch được phê duyệt. Trong số 155 thửa/407 thửa đất được UBND huyện cấp GCNQSDĐ có đất ở, trong đó có 72/155 thửa đất không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trong số 407 thửa đất có 59 thửa/54 GCNQSDĐ/12,2ha UBND huyện ký cấp GCNQSDĐ dưới mức coste 63,9 trở xuống thuộc địa bàn xã Phú Ngọc, trong đó có 09 thửa/09 GCNQSDĐ/0,29 ha dưới mức coste 62.

- Việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân có diện tích 0,29ha đất dưới coste 62 - trùng trong diện tích đất mà Nhà nước đã hoàn thành công tác đền bù (theo ý kiến của Ban Đền bù Trị An - thuộc UBND tỉnh Đồng Nai tại Văn bản số 45/ĐB-TA ngày 20/6/1988).

c) Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với các trường hợp đã cấp GCNQSDĐ

Theo Báo cáo số 130/BC-UBND ngày 04/4/2023, số 153/BC-UBND ngày 26/4/2023 của UBND huyện Định Quán, người sử dụng đất đã thực hiện nghĩa vụ tài chính 345/407 thửa; riêng đối với 62 thửa còn lại thuộc địa bàn xã Phú Ngọc, thể hiện: 26 thửa đất nông nghiệp không có hồ sơ thể hiện việc đã nộp nghĩa vụ tài chính trước khi phát GCNQSDĐ; 36 thửa đất ghi nợ trên GCNQSDĐ “Người sử dụng đất chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính. Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính chậm nhất đến ngày 31/12/2018”. Về nội dung này thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 9543/UBND-CNN ngày 08/11/2013 (*Phụ lục số 06*).

5.2. Việc thu hồi đối với GCNQSDĐ cấp không đúng quy định

Theo Báo cáo số 130/BC-UBND ngày 04/4/2022 của UBND huyện thể hiện: UBND huyện Định Quán đã ký quyết định thu hồi 20 GCNQSDĐ của 27 thửa/407 thửa đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ không đúng quy định. Trong số 20 GCNQSDĐ/27 thửa đất này thì chỉ có 01 GCNQSDĐ/01 thửa đất được hộ dân giao lại GCNQSDĐ; 19 GCNQSDĐ/26 thửa đất còn lại người sử dụng đất không đồng ý giao nộp GCNQSDĐ, UBND huyện đã ban hành các Quyết định huỷ

GCNQSDD này; việc thu hồi, huỷ GCNQSDD đã được cập nhật thông tin lên cơ sở dữ liệu đất đai.

Có 90 GCNQSDD/96 thửa tại xã Phú Ngọc có biến động quyền sử dụng đất; trong đó có thửa đất đã chuyển nhượng nhiều lần. Cụ thể: Thửa đất số 51 tờ bản đồ số 98 có biến động 05 lần; thửa đất số 168 tờ bản đồ số 74 có biến động 04 lần; Có 04 thửa đất có biến động đất đai 3 lần (thửa đất số 44 tờ bản đồ số 69, thửa đất số 4, 121, 122 tờ bản đồ số 87); Có 19 thửa đất biến động đất đai 2 lần; Còn lại 71 thửa đất còn lại có biến động đất đai 01 lần. Theo báo cáo của UBND huyện Định Quán, trong số 96 thửa đất nêu trên, hiện có 12 thửa đất đang thế chấp tại các ngân hàng.

6. Việc cấp GCNQSDD cho tổ chức

Trong ranh đất của Công ty được Nhà nước giao quản lý, sử dụng (theo Quyết định số 3960/QĐ-UBND), có Trường tiểu học Quang Trung được cấp GCNQSDD với diện tích 0,6199 ha thuộc thửa đất số 2 tờ bản đồ số 88 xã Phú Ngọc.

Trường tiểu học Quang Trung được thành lập từ năm 1984, được Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc Trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước số T36.015.052.025/853 ngày 26/4/2004. Việc sử dụng đất của Trường tiểu học Quang Trung tại xã Phú Ngọc được UBND tỉnh công nhận kết quả rà soát và kê khai tình hình sử dụng đất tại Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 theo hình thức nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; được STNMT thừa uỷ quyền của UBND tỉnh ký cấp GCNQSDD số CI 528222 ngày 31/8/2017.

Qua làm việc với Đoàn Thanh tra (Biên bản ngày ngày 03/04/2023), Công ty thống nhất kiến nghị UBND tỉnh, Sở ngành liên quan chấp thuận lập thủ tục đưa thửa đất số 2 tờ bản đồ số 88 xã Phú Ngọc (trường tiểu học Quang Trung đang sử dụng) ra khỏi danh sách khu đất Công ty quản lý.

II. CÔNG TÁC GIAO KHOÁN ĐẤT ĐỂ SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Việc xây dựng, triển khai phương án, thực hiện công tác giao khoán và Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm hợp đồng giao khoán

Theo báo cáo số 26A/BC/MĐLN-QLĐĐ ngày 29/3/2023 của Công ty báo cáo công tác quản lý và chấp hành các quy định của pháp luật về giao khoán của Công ty, thể hiện:

1.1. Việc xây dựng, triển khai phương án giao khoán

1.1.1. Giao khoán đất theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995

Diện tích và số lượng hợp đồng giao khoán đất theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 (ký thời điểm 2000-2004).

Theo báo cáo chi tiết hiện trạng quản lý, sử dụng đất Nông nghiệp tại Công ty thực hiện hiện theo Thông tư số 2004/TT-BTNMT được lập trong tháng 8 năm 2007 và Biểu số 02/HT-ĐĐ “Danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đất” đính kèm báo cáo thì diện tích đất giao khoán theo Nghị định 01/CP là 3.065,55ha/1.266 hộ, cụ thể gồm: Nông trường 1 gồm 369 hộ nhận khoán/811,92ha;

Nông trường 2 gồm 436 hộ nhận khoán/1.165,09ha; Nông trường 3 gồm 438 hộ nhận khoán/997,29ha; Xã Xuân Bắc - Suối Cao gồm 23 hộ nhận khoán/91,25ha.

Tuy nhiên, đến thời điểm thanh tra, Công ty chỉ cung cấp được danh sách gồm 515 hộ còn hợp đồng giao khoán, trong đó: (1) Hợp đồng giao khoán đất trồng mía, thời hạn 20 năm gồm 401 hộ với diện tích là 940,68ha; (2) Hợp đồng giao khoán đất trồng lúa, thời hạn 03 năm gồm 45 hộ với diện tích là 9,00ha; (3) Hợp đồng giao khoán đất ao cá, hồ nước tưới mía, thời hạn 10 năm gồm 8 hộ với diện tích là 6,23ha; (4) Hợp đồng đầu tư trồng keo, thời hạn 05 năm gồm 61 hộ với diện tích là 28,01ha (*Phụ lục số 07*).

1.1.2. Giao khoán đất theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005

Diện tích giao khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, gồm: Nông trường 1 gồm 292 hộ nhận khoán/837,65 ha; Nông trường 2 gồm 403 hộ nhận khoán/1.161,40 ha; Nông trường 3 gồm 437 hộ nhận khoán/947,19 ha; Xã Xuân Bắc – Suối Cao gồm 2 hộ nhận khoán/82,22 ha; Trại thực nghiệm gồm 18 hộ nhận khoán/110,21 ha (*Phụ lục số 08*).

1.1.3. Giao khoán đất từ 2018 đến nay

a) Cơ sở pháp lý

Căn cứ Văn bản số 2626/BNN-QLDN ngày 6/4/2018 của Bộ NN&PTNT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về Kết quả thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Mía Đường II-CTCP. Do đó từ thời điểm tháng 04/2018 Công ty không vận dụng Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 để thực hiện giao khoán đất cho các hộ dân mà áp dụng Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 để liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với các hộ dân.

b) Diện tích và số lượng hợp đồng giao khoán

Từ năm 2018 đến nay, Công ty liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với 187 hộ/544,11 ha. Trong đó, Nông trường 1 gồm 45 hộ nhận khoán/166,87 ha; Nông trường 2 gồm 35 hộ nhận khoán/132,89 ha; Nông trường 3 gồm 107 hộ nhận khoán/244,35 ha (*Phụ lục số 9*).

1.2. Tình hình thực hiện công tác giao khoán (Nghị định số 01/CP; Nghị định số 135/2005/NĐ-CP; Giai đoạn từ năm 2018 đến nay)

1.2.1. Kết quả chuyển đổi hợp đồng, diện tích giao khoán từ Nghị định số 01/CP sang Nghị định số 135/2005/NĐ-CP

Trong tổng số 3065,55 ha/1.266 hộ thực hiện việc giao khoán theo Nghị định 01/CP, có 2873,50 ha/1.189 hộ đã thực hiện việc chuyển đổi hợp đồng giao khoán từ theo Nghị định số 01/CP sang thực hiện hợp đồng giao khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP; còn lại 192,05 ha/371 hộ chưa thực hiện việc chuyển đổi hợp đồng giao khoán.

1.2.2. Kết quả chuyển đổi hợp đồng, diện tích giao khoán từ Nghị định số 135/2005/NĐ-CP sang hợp đồng liên kết sản xuất, giai đoạn từ năm 2018

Trong tổng số 3138,67 ha/1.151 hộ dân nhận giao khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, có 512,58 ha/184 hộ đã chuyển đổi hợp đồng giao khoán sang hợp đồng liên kết, diện tích còn lại chưa thanh lý và chuyển đổi hợp đồng theo quy định sau khi Nghị định số 168/2016/NĐ-CP có hiệu lực (thời điểm Công ty đã thoái hết phần vốn của nhà nước).

1.3. Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm hợp đồng giao khoán

Theo báo cáo số 26A/BC/MĐLN-QLĐĐ ngày 29/3/2023 của Công ty về việc báo cáo công tác quản lý và chấp hành các quy định của pháp luật về giao khoán của Công ty, thể hiện:

1.3.1. Thời điểm thực hiện nghị định số 01/CP (Trước năm 2011)

- Diện tích vi phạm: Tính đến thời điểm lập báo cáo rà soát hiện trạng năm 2007 là 334,22 ha.

- Việc xử lý vi phạm: Đối với diện tích 334,22 ha đất lần chiếm tại xã Phú Ngọc và xã Gia Canh, đã được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 27/5/2009 thu hồi 316,02 ha đất để bàn giao cho địa phương quản lý.

1.3.2. Thời điểm thực hiện nghị định số 135/2005/NĐ-CP (Hợp đồng giao khoán ký từ năm 2011-2015)

- Diện tích vi phạm: Theo kết quả kiểm kê tình hình sử dụng đất tại thời điểm 01/07/2017, diện tích đất trồng cây khác của các hộ nhận khoán, Trong đó: Nông trường 1 có 45,07ha; Nông trường 2 có 411,78ha; Nông trường 3 có 116,17ha.

- Việc xử lý vi phạm: Đối với hành vi chuyển đổi trồng cây sai mục đích giao khoán, Công ty chỉ lập biên bản ghi nhận sự việc, đồng thời Công ty có văn bản, báo cáo địa phương bố trí nhân sự hỗ trợ ngăn chặn, xử lý.

Tuy nhiên địa phương chỉ tham gia vận động, tuyên truyền để người nhận khoán hiểu và thực hiện đúng hợp đồng giao khoán.

1.3.3. Kết quả xử lý các trường hợp vi phạm của Công ty

a) **Thời điểm trước năm 2015:** Kết quả chỉ có 19,08 ha của các hộ vi phạm đã chuyển sang trồng mía, còn lại 57,42 ha chưa chấp thuận chuyển đổi sang trồng mía. Bên cạnh đó số diện tích của các hộ dân khác vi phạm trồng cây sai mục đích mới phát sinh tăng thêm 87,04 ha.

b) Thời điểm sau năm 2015

Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương vận động, đối thoại với các trường hợp vi phạm hợp đồng giao khoán để yêu cầu thực hiện việc sử dụng đất (trồng mía) đúng mục đích theo hợp đồng. Bên cạnh đó để tạo điều kiện cho các hộ trồng cây vi phạm chuyển đổi sang trồng mía. Công ty đã ban hành chính sách hỗ trợ: không hoàn lại với các hộ chuyển đổi cây trồng khác sang trồng mía với mức 5.490.000 đồng/ha đối với đất trồng mì sang trồng mía; Mức 7.000.000 đồng/ha đối với đất trồng keo, tràm sang trồng mía. Kết quả đến thời điểm cuối năm 2016, diện tích chuyển đổi từ cây trồng sai mục đích sang trồng mía là 161,34 ha.

Bên cạnh đó, được sự thống nhất của chính quyền địa phương, Công ty đã thực hiện việc khởi kiện 04 hộ nhận khoán có vi phạm hợp đồng giao khoán để xử lý các hành vi vi phạm. Kết quả đến tháng 10/2021 Toà án nhân dân huyện Định Quán mới xử sơ thẩm và đến 4/2022 Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai mới xử phúc thẩm. Đến nay đã có Quyết định thi hành án nhưng vẫn chưa thi hành án xong 04 bản án được Toà xử lý (buộc người nhận khoán trả lại đất cho Công ty).

c) Thời điểm từ năm 2018 đến nay: Tại thời điểm tháng 10/2022, hiện trạng sử dụng đất không đúng theo hợp đồng giao khoán (các loại cây trồng) là 2.540,96 ha, cụ thể: Nông trường 1 là 581,58 ha, gồm các loại cây: trồng cây hàng năm 117,06 ha; Trồng keo, điều, xà cừ 220,97 ha; trồng cây ăn trái 225,6 ha; cây lâu năm khác 17,95 ha; Nông trường 2 là 1.039,79 ha, gồm các loại cây trồng: trồng cây hàng năm 197,62 ha; Trồng keo, điều, xà cừ 578,09 ha; trồng cây ăn trái 241,38 ha; cây lâu năm khác 22,7 ha; Nông trường 3 là 919,59 ha gồm các loại cây trồng: trồng cây hàng năm 270,59 ha; Trồng keo, điều, xà cừ 440,57 ha; trồng cây ăn trái 207,62 ha; cây lâu năm khác 0,81 ha.

2. Kết quả Kiểm tra ngẫu nhiên một số hợp đồng (theo Nghị định số 01/CP; Nghị định số 135/2005/NĐ-CP

2.1. Hợp đồng theo Nghị định số 01/CP

2.1.1. Hợp đồng giao khoán trồng mía

Trong số 1.266 hợp đồng/3.065,55 ha, Công ty chỉ cung cấp được danh sách 515 hộ còn hợp đồng/983,92 ha, số hợp đồng còn lại Công ty không tìm thấy để cung cấp cho Đoàn thanh tra. Kết quả kiểm tra ngẫu nhiên một số hợp đồng do Công ty cung cấp, thể hiện:

Các trường hợp hộ nhận khoán sử dụng đất không đúng mục đích giao khoán, Công ty chỉ tổng hợp diện tích vi phạm và đưa vào diện tích bàn giao về địa phương quản lý, không có danh sách cụ thể về các trường hợp vi phạm hợp đồng; Công ty không thực hiện việc thanh lý hợp đồng giao khoán đối với các trường hợp vi phạm hợp đồng giao khoán; Một số trường hợp không ghi số trên hợp đồng giao khoán, hợp đồng không ghi cụ thể ngày, tháng ký hợp đồng, không có thông tin về địa điểm giao đất, người đại diện bên B trong hợp đồng và người ký hợp đồng khác nhau; đơn vị không thực hiện việc thanh lý hợp đồng có vi phạm theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng.

Quy chế giao khoán do Công ty xây dựng không có quy định cụ thể về thành phần hồ sơ nhận khoán theo quy định tại Nghị định số 01/CP, cụ thể như: (1) Đơn xin nhận khoán; (2) Hợp đồng giao khoán; (3) trích lục bản đồ hoặc sơ đồ khu vực đất giao khoán; (4) Biên bản giao, nhận khoán đất, cây trồng, cây công nghiệp, vật nuôi và các tài sản trên đất; (5) Các văn bản, phụ lục có liên quan đến việc khoán (nếu có). Qua kiểm tra hồ sơ giao khoán thực hiện theo Quy chế số 229/CP-MĐLN-QC ngày 5/7/2000 về Quy chế giao khoán đất sản xuất nông nghiệp trồng mía (ban hành kèm theo Quyết định số 228/CPMĐLN-QĐ thì đơn vị chỉ có Hợp đồng giao khoán đất giữa hai bên, không có các hồ sơ khác theo quy định tại Nghị định số 01/CP.

Quá trình thực hiện giao khoán, Tổng Giám đốc Công ty không thực hiện việc tổng kết báo cáo kết quả hằng năm cho Hội đồng quản trị theo quy chế.

2.1.2. Hợp đồng đầu tư và tiêu thụ cây keo lai (61 hợp đồng/ diện tích 28,01 ha)

Kết quả kiểm tra các hợp đồng giao khoán cho thấy có sai sót về thông tin trong hợp đồng, cụ thể: tại phần nội dung của hợp đồng thể hiện đại diện bên A là ông Phạm Như Hóa, chức vụ Tổng Giám đốc, tuy nhiên tại phần ký tên thì người ký là ông Trần Văn Ngà, chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

2.1.3. Hợp đồng giao khoán đất nông nghiệp (dùng vào mục đích Nuôi cá, Trồng lúa) (55 hợp đồng/ diện tích 15,23 ha)

Qua kiểm tra các hợp đồng, cho thấy có những sai sót như: hợp đồng không ghi số; không có thông tin về ngày, tháng; tại phần đại diện Bên A chỉ có chữ ký nhưng không đóng dấu mộc và không ghi họ tên người ký. Không thể hiện các căn cứ pháp lý khi xác lập hợp đồng giao khoán đất nông nghiệp.

2.2. Hợp đồng theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP (bắt đầu ký hợp đồng khoán từ năm 2011-2014, diện tích và số lượng hợp đồng: 3.138,67 ha/1.152 hợp đồng)

Kết quả kiểm tra hồ sơ hợp đồng giao khoán, cho thấy có những thiếu sót, cụ thể:

- Hợp đồng ký năm 2011: Một số hợp đồng không ghi số hợp đồng; không thực hiện việc thanh lý hợp đồng sau khi hết thời hạn của hợp đồng; thiếu thông tin về người đại diện bên A trong nội dung hợp đồng, tại phần ký tên chỉ có chữ ký nhưng không ghi rõ họ, tên người ký, cụ thể: tại Hợp đồng số.../20/HĐGKĐ-NL, D5KH1211 ngày 01/8/2011, đại diện bên A để trống, nhưng ở phần cuối hợp đồng đại diện bên A chỉ có chữ ký không ghi họ tên.

- Tất cả các hợp đồng giao khoán đất ký thời điểm năm 2011 và 2014, thành phần bộ hồ sơ giao khoán còn thiếu phần trích lục bản đồ hoặc sơ đồ khu vực đất nông nghiệp, đất mặt nước nuôi trồng thủy sản, đất rừng giao khoán; hợp đồng giao khoán ký năm 2011 và 2014 không đồng nhất về nội dung, bố cục trình bày (Tiêu đề hợp đồng; Phần căn cứ cơ sở pháp lý; phần thể hiện nội dung tại các điều trong hợp đồng).

- Đơn vị không thực hiện việc thanh lý các hợp đồng giao khoán sau khi hết thời hạn thực hiện đã xác định trong hợp đồng.

- Hợp đồng ký năm 2015, tại Hợp đồng không số N1LD0628/HĐGD-NL ngày 01/11/2015, đại diện bên A là ông Thượng Đình Nho, chức vụ Tổng Giám đốc nhưng ở phần cuối hợp đồng người ký tên bên giao đất là ông Trần Văn Ngà.

- Các trường hợp người nhận khoán sử dụng đất không đúng mục đích nhưng Công ty không áp dụng việc thanh lý để xử lý.

- Việc Công ty xác định đối tượng nhận khoán: "Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở địa phương khác có vốn đầu tư vào sản xuất theo quy định của Công ty" là

chưa đúng nhóm đối tượng được nhận giao khoán theo quy định tại Nghị định số 135/2005/NĐ-CP”.

- Hồ sơ giao khoán đất do Công ty thực hiện thiếu trích lục bản đồ theo quy định tại Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006.

- Đơn vị không xây dựng phương án giao khoán trước khi thực hiện việc ký hợp đồng giao khoán là chưa đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006; Đơn vị không niêm yết công khai danh sách các hộ nhận khoán theo quy định (trụ sở cơ quan, trụ sở UBND xã) trước khi ký hợp đồng theo phương án được phê duyệt theo quy định.

- Theo quy định, việc rà soát và xử lý các hợp đồng đã ký kết theo Nghị định số 01/CP và chuyển sang thực hiện ký hợp đồng theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP của Chính phủ phải xong trước ngày 30/06/2007. Tuy nhiên, qua kiểm tra cho thấy đến năm 2011, Công ty mới thực hiện việc chuyển đổi là chậm so với quy định.

2.3. Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ mía cây

Từ năm 2018, Công ty không áp dụng việc giao khoán theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP mà chuyển sang lập hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ mía cây và hợp đồng thuê khoán tài sản vì từ tháng 4/2018 nhà nước đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty, tổng số: 544,11 ha/187 hợp đồng.

Trong quá trình chuyển sang ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ mía cây và hợp đồng thuê khoán tài sản thì Công ty chỉ thực hiện thanh lý được hợp đồng giao khoán cũ đối với các hộ ký tiếp hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ mía cây và hợp đồng thuê khoán tài sản; còn các trường hợp còn lại không thực hiện thanh lý theo thông báo của Công ty.

3. Kết quả làm việc với các hộ nhận giao

- Qua làm việc trực tiếp với 99/173 hộ dân được mời ngẫu nhiên (74 hộ có mời nhưng không đến), thể hiện một số thông tin như sau:

- + Việc sử dụng đất giao khoán tại thời điểm Công ty còn hoạt động đúng mục đích là 94/99 trường hợp. Một số trường hợp sử dụng không đúng mục đích là do các hộ dân để đất trống hoặc đã chuyển nhượng cho người khác nên không còn biết hiện trạng như thế nào.

- + Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính tại thời điểm Công ty còn hoạt động hầu như các hộ nhận khoán đã thực hiện đầy đủ các khoản đóng góp nghĩa vụ theo quy định của Công ty, cụ thể có 98/99 trường hợp thực hiện đúng.

- + Bên giao khoán thực hiện đầy đủ các cam kết theo hợp đồng 66/99 trường hợp; có 31/99 trường hợp thực hiện không đầy đủ; có 02/99 trường hợp khi xác minh người dân không nhớ thông tin để cung cấp.

- + Về việc sử dụng đất giao khoán các hộ dân đang vẫn còn sử dụng đất giao khoán tại thời điểm kiểm tra, cụ thể 61/99 trường hợp; một số trường hợp đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích là 27/99 trường hợp; còn lại một số trường hợp đã chuyển nhượng khoảng 1/2 diện tích được nhận giao khoán.

+ Có 14/99 trường hợp chuyển nhượng hợp đồng giao khoán là có thông báo cho Công ty. Công ty đồng ý cho hộ dân chuyển nhượng 10/99 trường hợp.

+ Có 31/99 trường hợp là không thông báo cho Công ty. Công ty không đồng ý và không biết 31/99 trường hợp.

- Về hiện trạng sử dụng đất nhận giao khoán tại thời điểm kiểm tra thực tế ghi nhận không có hộ dân nào còn trồng cây mía theo đúng mục đích được giao. Trồng cây sai mục đích là 88/99, 01 trường hợp là để đất trống và đã chuyển nhượng cho người khác nên không rõ đang trồng loại cây nào trên đất.

- Các hộ dân không báo cáo với Công ty về việc trồng cây sai mục đích. Thời điểm các hộ tự ý chuyển đổi loại cây trồng sai mục đích) chủ yếu vào khoảng thời gian từ năm 2017 đến nay.

- Về việc xử lý của Công ty đối với việc trồng cây sai mục đích đối với các hộ nhận giao khoán khi tự thay đổi cây trồng. Công ty phối hợp với địa phương để xử lý, tuy nhiên các biện pháp xử lý chưa được triệt để.

- Công ty và các hộ giao khoán không thực hiện việc thanh lý hợp đồng giao khoán đã ký (giai đoạn từ năm 2000-2004) khi thực hiện chuyển đổi hợp đồng giao khoán từ Nghị định số 01/CP sang thực hiện các hợp đồng giao khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP (giai đoạn năm 2011-2014). Chỉ có một số hộ dân trong năm 2018 khi thực hiện ký hợp đồng mới với Công ty mới thực hiện thanh lý hợp đồng đã ký trước đó (*Phụ lục số 10*).

III. VỀ NỘI DUNG THỰC HIỆN KẾT LUẬN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với nội dung thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V

1.1. Thông tin chung của Đoàn kiểm toán

- Ngày 16/4/2015, Tổng Kiểm toán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 453/QĐ-KTNN về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2014 và Chuyên đề việc thực hiện Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng Công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015” của Tổng Công ty mía đường II - Công ty cổ phần.

- Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty ngày 19/8/2015. Biên bản kiểm tra sau Kiểm toán ngày 02/3/2016 của Tổ kiểm tra thuộc Kiểm toán Nhà nước Khu vực V đối với công tác thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2015 của Công ty. Theo đó, Kiểm toán Nhà nước khu vực V kiến nghị có 14 nội dung.

1.2. Kết quả thực hiện của 14 nội dung

a) Số nội dung đã thực hiện: 07 nội dung

b) Số nội dung đã thực hiện một phần và đang thực hiện: 04 nội dung

- Đối với nội dung số 11 và nội dung số 12: thể hiện tại Kết luận kiểm toán khu vực V, Công ty đã thực hiện:

+ Ký hợp đồng thuê đất số 111/HĐTĐ ngày 25/11/2015; Phụ lục hợp đồng thuê đất số 111/HĐTĐ-1 ngày 11/10/2019 đối với diện tích đất nông nghiệp thuộc xã Xuân Bắc, Suối Cao huyện Xuân Lộc và xã La Ngà, Gia Canh, Phú Ngọc huyện Định Quán.

+ Kê khai, nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế đối với phần diện tích đất nông nghiệp đã ký hợp đồng nêu trên.

+ Tờ trình số 24/TTr-MĐLN ngày 03/3/2022 của Công ty gửi UBND tỉnh và STNMT về việc đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty trên địa bàn xã Xuân Bắc, Suối Cao huyện Xuân Lộc và xã La Ngà, Gia Canh, Phú Ngọc huyện Định Quán. Ngày 13/4/2022 STNMT có Văn bản số 2303/STNMT-CCQLĐĐ về việc lấy ý kiến thẩm định phương án sử dụng đất của Công ty.

- Nội dung số 13: Công ty đang tiếp tục phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai để làm rõ việc đầu tư chứng khoán; Công nợ tại trại Thực nghiệm; Dự án đầu tư bể chứa mật rỉ và các vấn đề khác có liên quan (Biên bản làm việc ngày 20/12/2021, 24/8/2022 giữa HĐQT Công ty với cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Đồng Nai).

- Nội dung số 14: Công ty đang tổ chức kiểm điểm đối với tập thể, các nhân có liên quan đến các tồn tại mà Kiểm toán đã kết luận.

c) Số nội dung chưa thực hiện: 03 nội dung

- Nội dung số 6: Công ty chưa xây dựng quy chế quản lý nợ theo điều 13 của Quy chế tài chính ban hành theo Quyết định số 865/QĐ/MĐLN-HĐQT ngày 06/10/2016; Quyết định thành lập hội đồng thu nợ số 785/QĐ/MĐLN-TCHC ngày 09/9/2016 về việc thành lập hội đồng xác định và xử lý nợ phải thu của Công ty.

- Nội dung số 7: Công ty chưa xây dựng quy chế về quản lý các loại hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho, đang đi trên đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán (theo điều 12 của Quy chế tài chính ban hành theo Quyết định số 865/QĐ/MĐLN-HĐQT ngày 06/10/2016).

- Nội dung số 10: Công ty chưa thực hiện xây dựng và hoàn thiện Đề án tái cấu trúc Công ty theo chủ trương của Nhà nước và của HĐQT Công ty để hoạt động SXKD có hiệu quả hơn.

2. Kết quả thực hiện Kết luận Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII (số 170/TB-KTNN KV XIII ngày 10/6/2019)

2.1. Công ty Cổ phần Mía đường La Ngà

a) **Đang thực hiện nội dung lập phương án sử dụng đất theo mục 2 Điều 133 Luật Đất đai:** Ngày 03/3/2022, Công ty có Tờ trình số 24/TTr-MĐLN đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty Cổ phần Mía đường La Ngà trên địa bàn xã Xuân Bắc, xã Suối Cao huyện Xuân Lộc và xã La Ngà, xã Gia Canh, xã Phú Ngọc huyện Định Quán gửi Sở Tài nguyên và Môi trường đồng kính gửi UBND

tỉnh Đồng Nai. Thực hiện Văn bản số 10366/UBND-KTN ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 2303/STNMT-CCQLĐĐ ngày 13/4/2022; Văn bản số 4485/CCQLĐĐ lấy ý kiến thẩm định phương án sử dụng đất của Công ty.

b) Chưa thực hiện nội dung: Công ty chưa tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến việc “Chưa lập phương án sử dụng đất theo khoản 2 Điều 133 Luật Đất đai năm 2013, những tồn tại trong quản lý đất phát sinh và kéo dài khiến cho việc sử dụng đất không thực sự hiệu quả, chưa bảo đảm nguyên tắc sử dụng đất tại Điều 11 Luật Đất đai 2003 và Điều 6 Luật đất đai 2013”. Theo ý kiến của Công ty, do cá nhân có liên quan đến trách nhiệm nêu trên hiện nay đã nghỉ việc và đang định cư ở nước ngoài.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Đang thực hiện đối với nội dung:

- Rà soát lập phương án để sử dụng hoặc bàn giao cho địa phương 1.513,69 ha theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Đất đai 2013: Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 956/STNMT-CCQLĐĐ ngày 23/01/2019 và Văn bản số 9582/STNMT-CCQLĐĐ ngày 02/12/2020 hướng dẫn, đôn đốc Công ty thực hiện. Ngày 13/4/2022 STNMT có Văn bản số 2303/STNMT-CCQLĐĐ gửi các đơn vị lấy ý kiến thẩm định phương án sử dụng đất của Công ty.

- Rà soát, điều chỉnh giảm diện tích trên Giấy CNQSDĐ do diện tích thực tế thấp hơn trên diện tích trên Giấy CNQSDĐ 64,39 ha: Ngày 09/5/2019, Sở TNMT đã có Văn bản số 2979/STNMT-CCQLĐĐ và số 6172/STNMT-CCQLĐĐ ngày 12/9/2019 hướng dẫn Công ty lập hồ sơ điều chỉnh theo quy định. Thực hiện Văn bản số 10366/UBND-KTN của UBND tỉnh, STNMT có Văn bản số 2303/STNMT-CCQLĐĐ ngày 13/4/2022 và Văn bản số 4485/CCQLĐĐ lấy ý kiến của các đơn vị thẩm định phương án sử dụng đất của Công ty.

b) Chưa thực hiện nội dung: Chưa tổ chức kiểm điểm xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến việc “Chưa ký hợp đồng thuê đất diện tích 3,2555 ha với Công ty” theo kết luận của kiểm toán.

2.3. UBND huyện Định Quán

a) Đang thực hiện nội dung lập thủ tục hoàn trả các khoản nghĩa vụ tài chính mà các cá nhân đã nộp trong quá trình làm GCNQSDĐ: Trong tổng số Giấy 42 (Phú Ngọc 30 GCNQSDĐ; Gia Canh 6 GCNQSDĐ), đến nay, UBND huyện Định Quán thực hiện thủ tục hoàn trả nghĩa vụ tài chính được 10 GCNQSDĐ với tổng số tiền là 9.988.471 đồng (trong đó: 05 trường hợp đã nhận tiền với tổng số tiền là 2.192.531 đồng; 05 trường hợp chưa liên hệ để nhận tiền). UBND huyện tiếp tục rà soát hồ sơ, lập thủ tục xác nhận hoàn trả nghĩa vụ tài chính theo kết luận của Kiểm toán.

b) Chưa thực hiện nội dung: Rà soát, tổ chức thu hồi theo quy định diện tích đất bị lấn, bị chiếm và không sử dụng 282,16 ha theo quy định tại điểm đ, điểm h, khoản 1, Điều 64 Luật Đất đai 2013.

c) Không thực hiện nội dung: Xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến việc không thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 9855/UBND-CNN ngày 18/9/2018 về việc rà soát xử lý những vấn đề còn tồn tại trong quản lý sử dụng đất của Công ty; Cấp 42 GCNQSDĐ không đúng quy định.

Theo báo cáo của UBND huyện, ngày 27/7/2020 Thanh tra huyện có Báo cáo số 68/BC-TT đề nghị UBND huyện không chỉ đạo kiểm điểm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tham mưu UBND huyện cấp GCNQSDĐ. Trên cơ sở đề xuất kiến nghị của Thanh tra huyện, UBND huyện thống nhất không kiểm điểm trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tham mưu UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho ông Vũ Xuân Bình, bà Phan Thị Lệ, ông Phan Văn Huyền và ông Phạm Sỹ Hồng trên phần đất của Công ty quản lý.

C. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Đối với công tác quản lý, sử dụng đất đai

Công ty được UBND tỉnh giao đất để quản lý, sử dụng với diện tích tương đối lớn trên địa bàn huyện Định Quán để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng mía), sử dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp (nhà máy sản xuất đường, phân bón vi sinh,...). Giai đoạn đầu, Công ty đã triển khai đầu tư để đưa đất vào sử dụng đúng mục đích được UBND tỉnh giao, tạo công ăn, việc làm cho công nhân lao động và người dân địa phương, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Công ty cũng đã hoàn thành việc rà soát hiện trạng sử dụng đất để lập thủ tục thuê đất, ký hợp đồng thuê đất, được nhà nước cấp GCNQSDĐ, nộp tiền thuê đất theo quy định; đã hoàn thành rà soát ranh giới, cắm mốc giới khu đất được giao.

2. Việc thực hiện giao khoán đất

Việc giao khoán đất đai cơ bản thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước; Tạo ra nguồn nguyên liệu mía đảm bảo cho Nhà máy hoạt động ổn định hàng năm, cũng như các tổ chức dịch vụ hỗ trợ có thu nhập, ổn định công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập cho người nhận khoán; Quá trình thực hiện giao khoán, Công ty đã ban hành các chính sách đầu tư trồng và chăm sóc, thu mua mía hàng năm; đồng thời tổ chức việc cung ứng vật tư, dịch vụ nông nghiệp, tiền vốn; hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ phân bón để người nhận khoán tổ chức sản xuất theo hợp đồng.

Khi xảy ra các trường hợp vi phạm hợp đồng, Công ty đã có các văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh Đồng Nai, các Sở, Ban ngành của tỉnh và Huyện ủy, UBND huyện Định Quán để nhờ hỗ trợ của chính quyền địa phương, cũng như qua nhiều văn bản xin huyện tổ chức đối thoại với người dân.

Đã phối hợp với chính quyền địa phương và Thường trực Đảng Ủy các xã Gia Canh, xã Phú Ngọc, xã La Ngà cùng ban ngành, đoàn thể huyện xử lý, kiểm điểm đối với Đảng viên, công chức, viên chức nếu có hợp đồng trồng mía với Công ty mà vi phạm hợp đồng; đồng thời ban hành chủ trương áp dụng các khoản hỗ trợ đối với các trường hợp vi phạm hợp đồng tiến hành trồng lại mía.

3. Thực hiện kết luận Thanh tra, kiểm toán

Các đơn vị, địa phương đã tích cực khắc phục một số tồn tại, thiếu sót mà Kiểm toán Nhà nước khu vực V và Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII đã nêu.

II. NHỮNG TỒN TẠI HẠN CHẾ

Bên cạnh kết quả đạt được, các đơn vị, địa phương còn tồn tại một số hạn chế, thiếu sót như sau:

1. Công tác quản lý sử dụng đất

Công ty chỉ trực tiếp sử dụng một phần diện tích đất UBND tỉnh đã giao, phần lớn diện tích đất nông nghiệp đã thực hiện giao khoán đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng nhưng Công ty thiếu kiểm tra, việc quản lý lỏng lẻo dẫn đến phần lớn người dân nhận khoán đã tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cây trồng trên đất nhận khoán; một phần diện tích đất được UBND tỉnh giao Công ty không sử dụng để cho cán bộ công nhân viên tự ý sử dụng vào mục đích làm nhà ở, chuồng trại, sản xuất nông nghiệp, trong đó có nhiều trường hợp đã kê khai, đăng ký và được UBND huyện Định Quán cấp GCNQSDĐ.

1.1. Khu đất tại xã Suối Cao và xã Xuân Bắc huyện Xuân Lộc

Hiện trạng có một phần đất được sử dụng làm vườn ươm và phần còn lại để đất trống, không sử dụng. Trong đó có khoảng 04 ha đất tại xã Xuân Bắc đang tranh chấp với cá nhân nhận giao khoán đất (cá nhân nhận khoán đất hiện đang trồng tràm). Để xảy ra sai phạm nêu trên, *trách nhiệm thuộc về Công ty.*

1.2. Khu đất tại xã Phú Ngọc và xã Gia Canh huyện Định Quán

- Diện tích đất nông nghiệp Công ty được cấp GCNQSDĐ, ký hợp đồng thuê đất, ký phụ lục hợp đồng thuê đất với STNMT trùng với một phần diện tích đất UBND tỉnh đã thu hồi giao địa phương quản lý tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND, trùng vào phần diện tích đất cần phải xử lý để thuê đất thuộc Khoản 5, Điều 1 của Quyết định số 3960/QĐ-UBND “....việc xử lý toàn bộ diện tích đất còn lại 1.006,94ha....và cấp đổi giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất cho Công ty được thực hiện sau khi quy hoạch sử dụng đất chi tiết của Công ty được phê duyệt và giải quyết xong việc lấn, chiếm đất theo Văn bản số 4684/UBND-CNN ngày 22/6/2007 của UBND tỉnh”; Để xảy ra thiếu sót nêu trên, *trách nhiệm thuộc về Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty.*

- Có 44,34 ha đất rừng phòng hộ được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất thuộc trường hợp đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại Khoản 3 Điều 98 Luật đất đai 2013 “..Trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất không thuộc đối tượng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc được miễn, được ghi nợ nghĩa vụ tài chính và trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngay sau khi cơ quan có thẩm quyền cấp” nhưng đến nay khu đất này chưa được cấp GCNQSDĐ. Để xảy ra thiếu sót nêu trên, *trách nhiệm thuộc về Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty.*

- Diện tích đất phi nông nghiệp là 3,4858 ha UBND tỉnh cho thuê đất đến nay Công ty chưa được nhận GCNQSDĐ chứng nhận, chưa ký hợp đồng thuê đất và chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước do chưa xác định đơn giá thuê đất

theo điểm a khoản 2 Điều 6 nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ quy định về việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước: “*Giám đốc Sở Tài chính quyết định đơn giá thuê đất cho từng dự án cụ thể đối với trường hợp tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất*”. Để xảy ra thiếu sót nêu trên, *trách nhiệm thuộc về Giám đốc Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường.*

- Công ty không triển khai thực hiện đưa đất vào sử dụng theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1465/QĐ-UBND và các tồn tại cần xử lý tại khoản 5, Điều 1 của Quyết định số 3960/QĐ-UBND (đã được viện dẫn nêu trên). Để xảy ra thiếu sót nêu trên, *trách nhiệm thuộc về Công ty.*

- Việc tham mưu thu hồi đất của Công ty giao địa phương quản lý theo Quyết định số 1501/QĐ-UBND có một phần diện tích đất (khoảng hơn 40 ha - theo ý kiến của Công ty tại báo cáo số 150/BC/MĐLN-QLĐĐ ngày 18/11/2022 và báo cáo UBND huyện số 73/BC-UBND ngày 20/02/2019) không thuộc phần diện tích đất Công ty được giao quản lý, sử dụng. Để xảy ra thiếu sót nêu trên, *trách nhiệm thuộc về UBND xã Gia Canh, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán, UBND huyện Định Quán, Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty.*

- UBND huyện ký cấp 378 GCNQSDĐ/405 thừa cho các hộ gia đình, cá nhân tại ấp 7 xã Phú Ngọc thuộc trong ranh giới khu đất mà UBND tỉnh giao cho Công ty quản lý, sử dụng theo Quyết định số 3960/QĐ-UBND. Để xảy ra thiếu sót nêu trên, *trách nhiệm thuộc về UBND xã Phú Ngọc, Văn phòng Đăng ký QSDĐ huyện Định Quán (nay là Văn phòng ĐKĐĐ - CN Định Quán), Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán, UBND huyện Định Quán.*

- UBND huyện có tờ trình đề xuất cấp GCNQSDĐ cho trường tiểu học Quang Trung trùng vào ranh đất Công ty được giao quản lý, sử dụng. Để xảy ra thiếu sót nêu trên, *trách nhiệm thuộc về UBND xã Phú Ngọc, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán, UBND huyện Định Quán, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường.*

1.3. Khu đất tại xã La Ngà, huyện Định Quán

- Có 0,02 ha trạm bơm bờ sông; 3,0926 ha khu ao cá và 0,1 ha khu trạm xá cũ tại xã chưa lập thủ tục thuê đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Việc Công ty chưa xử lý, thanh lý với hộ gia đình, cá nhân, để nhận lại ao cá đưa vào quản lý sử dụng. Để xảy ra thiếu sót nêu trên, *trách nhiệm thuộc về Công ty, Hội cựu chiến binh của Công ty.*

- UBND xã La Ngà, UBND huyện Định Quán xác định diện tích 3,0927 ha khu ao cá do UBND xã quản lý, đề xuất đưa vào đất công do Nhà nước quản lý được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 24/8/2018, dẫn tới Công ty không lập thủ tục thuê đất. Để xảy ra thiếu sót nêu trên, *trách nhiệm thuộc về UBND xã La Ngà, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán, UBND huyện Định Quán.*

- UBND huyện Định Quán cấp 02 GCNQSDĐ/02 thửa cho cá nhân trồng vào diện tích trạm xá cũ do Công ty quản lý, thuộc trong ranh giới khu đất mà UBND tỉnh giao cho Công ty quản lý, sử dụng theo Quyết định số 3960/QĐ-UBND. Để xảy ra thiếu sót nêu trên, *trách nhiệm thuộc về UBND xã La Ngà, Văn phòng Đăng ký QSDĐ huyện Định Quán (nay là Văn phòng ĐKĐĐ - CN Định Quán), Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán, UBND huyện Định Quán.*

2. Đối với công tác giao khoán

- Công ty không thực hiện thanh lý hợp đồng với người nhận khoán trước khi ký lại hợp đồng mới là không đúng với nội dung của hợp đồng giao khoán. Dẫn đến trên cùng một diện tích giao khoán hoặc cùng đối tượng giao khoán có 02 dạng hợp đồng còn hiệu lực (Hợp đồng theo Nghị định 01/CP và Nghị định 135/2005/NĐ-CP).

- Sau khi các hợp đồng giao khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP được chuyển đổi sang thực hiện theo hình thức hợp đồng liên kết (từ sau năm 2018), chỉ thực hiện được 544 ha/3.173 ha đất đã giao khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, đạt 17,1% diện tích đất đủ điều kiện giao khoán. Các hộ nhận khoán không thanh lý hợp đồng giao khoán để ký lại hợp đồng giao khoán mới (hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm).

Từ khi Công ty tạm dừng hoạt động do thực hiện theo Quyết định số 3474/QĐ-XPVPHC ngày 23/09/2020 của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, đến thời điểm thực hiện việc thanh tra thì toàn bộ các hộ nhận khoán đất trồng mía của Công ty không còn thực hiện trồng mía theo hợp đồng, chuyển đổi sang cây trồng khác như: keo, mì, điều..... Tuy nhiên, Công ty không lập hồ sơ đối với việc tự ý thay đổi loại cây trồng này của người nhận khoán.

- Công ty không lập hồ sơ kiến nghị xử lý đối với việc các hộ dân tự ý thay đổi loại cây trồng từ thời điểm UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3474/QĐ-XPVPHC ngày 23/09/2020 (dừng hoạt động để khắc phục môi trường).

- Việc theo dõi, giám sát thực hiện hợp đồng giao khoán chưa thường xuyên, dẫn đến một số hộ nhận khoán chuyển nhượng trái phép hợp đồng giao khoán cho người khác nhưng Công ty không kịp thời phát hiện, xử lý theo quy định.

- Hồ sơ giao khoán thực hiện theo Quy chế số 229/CP-MĐLN-QC ngày 5/7/2000 về Quy chế giao khoán đất sản xuất nông nghiệp trồng mía (ban hành kèm theo Quyết định số 228/CPMĐLN-QĐ chỉ có Hợp đồng giao khoán mà không có các hồ sơ khác theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 01/CP năm 1995 của Công ty là chưa đầy đủ theo quy định.

- Các hợp đồng giao khoán đã ký có quy định về thanh lý hợp đồng khi vi phạm, hết hạn hợp đồng hoặc không có nhu cầu sử dụng nữa, tuy nhiên chưa quy định cụ thể về mức độ vi phạm phải thanh lý hợp đồng, thực tế Công ty cũng không thanh lý được hợp đồng giao khoán khi hết thời hạn giao khoán hoặc các trường hợp vi phạm.

- Công ty và các hộ giao khoán không thực hiện việc thanh lý hợp đồng giao khoán đã ký (giai đoạn từ năm 2000-2004) khi thực hiện việc chuyển đổi hợp đồng

giao khoán từ Nghị định 01/CP sang thực hiện các hợp đồng giao khoán theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP (giai đoạn năm 2011-2014). Chỉ có một số hộ dân từ năm 2018 khi thực hiện ký hợp đồng mới với Công ty mới thực hiện thanh lý hợp đồng đã ký trước đó.

- Không tuân thủ bộ hồ sơ hợp đồng giao khoán theo quy định tại Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 và Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006.

- Công ty xác định đối tượng nhận khoán: “Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở địa phương khác có vốn đầu tư vào sản xuất theo quy định của Công ty” là chưa đúng đối tượng theo quy định tại Nghị định số 135/2005/NĐ-CP.

- Hồ sơ giao khoán do Công ty quy định thực hiện chưa đầy đủ theo quy định, cụ thể: Thiếu trích lục bản đồ hoặc sơ đồ khu vực đất nông nghiệp, đất mặt nước nuôi trồng thủy sản, đất rừng giao khoán (Nghị định số 135/2005/NĐ-CP).

- Quy định về loại đất giao khoán: Theo quy định, hàng năm bên giao khoán dựa trên cơ sở kế hoạch sản xuất, định mức kinh tế - kỹ thuật để xây dựng phương án khoán. Tuy nhiên, Công ty chỉ xây dựng quy chế sử dụng đất nông nghiệp sản xuất mía, sau đó ký hợp đồng giao khoán (hồ sơ gồm đơn xin nhận khoán; hợp đồng giao khoán; biên bản bàn giao đất), thiếu trích lục bản đồ khu đất là chưa thực hiện đầy đủ theo quy định (Nghị định số 135/2005/NĐ-CP).

- Theo quy định, việc rà soát và xử lý các hợp đồng đã ký theo Nghị định số 01/CP và thực hiện giao khoán mới theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP của Chính phủ phải xong trước ngày 30/06/2007. Tuy nhiên qua kiểm tra hồ sơ giao khoán đến năm 2011, Công ty mới thực hiện việc ký hợp đồng là chậm so với quy định.

- Công tác lưu trữ, quản lý hồ sơ giao khoán chưa khoa học, không lưu trữ đầy đủ bản lưu theo quy định.

- Hợp đồng theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 thực hiện năm 2011 và năm 2014 nội dung hợp đồng của hai thời điểm không đồng nhất về một số điều khoản.

- Không thực hiện việc báo cáo hàng năm theo Quy chế số 229/CP-MĐLN-QC ngày 05/7/2000 và quy chế ban hành theo Quyết định số 1003/QĐ/CPMĐLN ngày 10/12/2010.

- Quá trình thực hiện lập các hợp đồng giao khoán, đơn vị chưa lập đầy đủ danh sách tổng hợp các hợp đồng đã ký hàng năm để theo dõi, quản lý.

- Đối với việc trồng cây sai mục đích giao khoán của các hộ nhận khoán thì Công ty chưa lập đầy đủ biên bản ghi nhận việc vi phạm và mời các hộ dân vi phạm lên làm việc ngay từ thời điểm ban đầu để xử lý.

Như vậy, việc để xảy ra những tồn tại, hạn chế, thiếu sót nêu trên thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Giám đốc các nông trường là đơn vị trực tiếp quản lý qua các thời kỳ và các cá nhân có liên quan.

3. Công tác thực hiện Kết luận kiểm toán

3.1. Đối với nội dung thực hiện kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V

Tiến độ thực hiện các nội dung được nêu trong Kết luận của Kiểm toán Nhà nước còn chậm, chưa đầy đủ. Đến thời điểm hiện nay, Công ty còn 07 nội dung đang và chưa thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán, *trách nhiệm này thuộc về Công ty*.

3.2. Đối với Kết luận Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII

- Đối với Công ty: Hiện nay còn 01 nội dung đang thực hiện, riêng đối với 01 nội dung chưa thực hiện việc kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân của Công ty, Công ty cho rằng các cá nhân có liên quan trách nhiệm nêu trong Kết luận Kiểm toán hiện nay đã nghỉ việc và đang định cư ở nước ngoài.

- Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiến độ thực hiện các nội dung được nêu trong Kết luận của Kiểm toán Nhà nước còn chậm, có nội dung chưa thực hiện. Hiện nay, sở đang tiếp tục phối hợp thực hiện đối với các nội dung được nêu trong Kết luận của Kiểm toán Nhà nước, *trách nhiệm này thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường*.

- Đối với UBND huyện Định Quán: Tiến độ thực hiện các nội dung được nêu trong Kết luận của Kiểm toán Nhà nước còn chậm, có nội dung chưa thực hiện. Hiện nay, UBND huyện đang tiếp tục phối hợp thực hiện đối với các nội dung được nêu trong Kết luận của Kiểm toán Nhà nước. *Trách nhiệm này thuộc UBND huyện Định Quán*.

D. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN

Ngày 28/4/2023, Đoàn Thanh tra có Văn bản số 118/ĐTT-NV3 kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh.

Ngày 15/5/2023, Chủ tịch UBND tỉnh có Văn bản số 587/UBND-KTN chuyển nội dung sang Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh đối với việc: *"UBND huyện Định Quán đã ký cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc trong ranh đất mà UBND tỉnh đã công nhận kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ cho Công ty"*.

Ngày 13/6/2023, Đoàn Thanh tra đã phối hợp cùng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh tiến hành bàn giao và tiếp nhận hồ sơ vụ việc từ Đoàn Thanh tra sang Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh tại biên bản bàn giao cùng ngày.

Ngày 13/7/2023, Đoàn Thanh tra tiếp tục bàn giao bổ sung hồ theo đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh tại Văn bản số 343/PC03-Đ1 ngày 20/6/2023.

E. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Yêu cầu Công ty

- Có phương án để xử lý các vấn đề còn tồn tại như đã nêu trên, đưa đất vào sử dụng đúng mục đích đã được UBND tỉnh cho thuê;

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện rà soát diện tích đất đã ký hợp đồng thuê đất, đã được cấp GCNQSDĐ trùng vào phần diện tích đất UBND tỉnh đã thu hồi giao địa phương quản lý, trùng vào diện tích đất UBND tỉnh chưa cho thuê cần phải xử lý tại Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 14/11/2007;

- Ký hợp đồng thuê đất đối với diện tích đất phi nông nghiệp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định;

- Thực hiện rà soát và lập thủ tục thuê đất đối với diện tích đã nhận bàn giao khi cổ phần hóa đến nay chưa hoàn tất thủ tục thuê đất sau khi UBND tỉnh đã điều chỉnh ra khỏi diện tích đất công (khu ao cá tại xã La Ngà), sau khi UBND huyện xử lý xong các GCNQSDĐ cấp trùng cá nhân trong khu trạm xá;

- Lập và đề xuất phương án sử dụng đất theo đúng quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, trình phê duyệt và triển khai thực hiện theo đúng quy định;

- Khẩn trương rà soát, tổng hợp lại diện tích đất giao khoán theo từng giai đoạn, gồm: thực hiện giao khoán theo Nghị định số 01/CP; thực hiện giao khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP của Chính phủ và thực hiện thủ tục thanh lý các hợp đồng giao khoán nêu trên;

- Đối với những trường hợp người dân chuyển nhượng trái phép hợp đồng giao khoán, là người ngoài địa phương, hiện sử dụng đất sai mục đích kiên quyết tổ chức thu hồi;

- Phối hợp với UBND huyện Định Quán, UBND các xã Gia Canh, Phú Ngọc tuyên truyền, vận động người dân thực hiện việc thanh lý hợp đồng giao khoán theo quy định; Nghiên cứu, giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của người nhận khoán sau khi thực hiện việc thanh lý hợp đồng giao khoán nhằm đảm bảo hài hoà quyền lợi giữa các bên, đảm bảo ổn định kinh tế, chính trị tại địa phương;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát không để phát sinh các trường hợp chuyển nhượng hợp đồng giao khoán đất trồng mía trên diện tích đất được giao quản lý;

- Yêu cầu Công ty khẩn trương, thực hiện dứt điểm đối với các nội dung kiến nghị được nêu trong kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V và Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII; rà soát, báo cáo lên quan cơ có thẩm quyền để có ý kiến đối với nội dung Công ty cho rằng chưa thể tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân của Công ty mà Kiểm toán nhà nước Khu vực XIII đã nêu.

- Tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế, thiếu sót nêu tại phần kết luận theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương đánh giá nhu cầu sử dụng đất của Công ty, tham mưu UBND tỉnh xử lý phương án sử dụng đất theo quy định;

- Thực hiện rà soát diện tích đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1501/QĐ-UBND thu hồi đất của Công ty giao địa phương quản lý, đảm bảo phù hợp với Quyết định số 1465/QĐ-UBND của UBND tỉnh;

- Rà soát xử lý diện tích đất đã ký hợp đồng thuê đất, phụ lục hợp đồng thuê đất, ký cấp GCNQSDĐ có trùng diện tích đất UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND;

- Tham mưu UBND tỉnh thu hồi thửa đất số 02, Tờ bản đồ số 88 xã Phú Ngọc (Trường tiểu học Quang Trung) của Công ty giao Trường tiểu học Quang Trung tiếp tục sử dụng;

- Đối với diện tích đất phi nông nghiệp là 3,4858 ha, rà soát ký hợp đồng thuê đất, ký cấp và phát GCNQSDĐ trong diện tích đất mà UBND tỉnh cho Công ty thuê tại Quyết định số 3960/QĐ-UBND;

- Cung cấp thông tin cho Cục thuế tỉnh để có cơ sở xác định đơn giá thuê đất chu kỳ tiếp theo quy định;

- Khẩn trương tham mưu, thực hiện dứt điểm đối với các nội dung được nêu trong Kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII.

- Tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có liên quan đến các tồn tại, hạn chế, thiếu sót nêu tại phần kết luận theo quy định.

3. Giao Sở Tài chính

- Xác định đơn giá thuê đất đối với diện tích đất phi nông nghiệp gửi Sở Tài nguyên và Môi trường ký Hợp đồng thuê đất, để Cục thuế tỉnh thu tiền thuê đất theo quy định.

- Tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có liên quan đến các tồn tại, hạn chế, thiếu sót nêu tại phần kết luận theo quy định.

4. Giao Cục thuế tỉnh

- Rà soát, ban hành thông báo nghĩa vụ tài chính tiền thuê đất, tiền chậm nộp (nếu có) đối với diện tích đất phi nông nghiệp của Công ty đã được UBND tỉnh cho thuê sau khi có Phiếu chuyển thông tin của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh theo quy định.

- Xác định đơn giá thuê đất cho chu kỳ tiếp theo phiếu chuyển thông tin của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh.

5. Giao UBND huyện Định Quán

- Tiếp tục rà soát các trường hợp cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân trùng vào ranh giới sử dụng đất của Công ty và diện tích đất dưới Coste 62; thực hiện thu hồi, xử lý các GCNQSDĐ đã cấp trùng, nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo đúng quy định;

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty xử lý phần diện tích đất đã thu hồi tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND giao về địa phương;

- Phối hợp với Công ty rà soát, xác định ranh giới, mốc giới, diện tích, hiện trạng đất đang sử dụng và đề xuất phương án sử dụng đất của Công ty; có ý kiến thẩm định phương án sử dụng đất theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị được giao chủ trì xử lý;

- Xem xét, xử lý vi phạm sử dụng đất của Công ty tại khu đất với diện tích 3,0927 ha (khu ao cá tại xã La Ngà); đề xuất UBND tỉnh xử lý khu đất nêu trên trong phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 24/8/2018) theo quy định;

- Tăng cường thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương, trong đó cần tập trung: kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, không phù hợp quy hoạch (xây nhà, đào ao, trồng cây không đúng với hợp đồng khoán); tuyên truyền, vận động hộ dân nhận khoán thực hiện việc thanh lý hợp đồng giao khoán theo quy định pháp luật;

- Chủ trì, làm việc với Công ty rà soát các trường hợp cụ thể, xác định thời điểm vi phạm để xử lý, áp dụng biện pháp khắc phục, đảm bảo việc sử dụng đất đúng mục đích được giao, phù hợp với quy hoạch và có trách nhiệm xử lý nghiêm các sai phạm nhất là việc xây dựng các công trình xây dựng sai mục đích;

- Khẩn trương tham mưu, thực hiện dứt điểm đối với các nội dung được nêu trong Kết luận của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII;

- Tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của UBND có liên quan đến các tồn tại, hạn chế, sai phạm nêu tại phần kết luận theo quy định.

- Chỉ đạo UBND các xã: Phú Ngọc, Gia Canh, La Ngà huyện Định Quán thực hiện các nội dung sau:

+ Khẩn trương có biện pháp đề xuất, xử lý các trường hợp vi phạm về đất đai, xây dựng; chủ động phối hợp với Công ty để kịp thời phát hiện và có biện pháp ngăn chặn các trường hợp vi phạm, kiên quyết không để phát sinh vi phạm mới trên địa bàn quản lý; tiếp tục rà soát các trường hợp cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân trùng vào ranh giới sử dụng đất của Công ty, tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND huyện xem xét xử lý theo đúng quy định;

+ UBND xã La Ngà rà soát đề xuất xử lý đối với diện tích 3,0927 ha khu ao cá đã đưa vào danh mục đất công UBND xã quản lý và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 theo đúng đối tượng đang quản lý, sử dụng;

+ Chủ tịch UBND các xã: Phú Ngọc, Gia Canh, La Ngà tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế, thiếu sót nêu tại phần kết luận theo quy định.

6. Giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tồn tại, hạn chế, thiếu sót như đã nêu trong phần kết luận thanh tra; tham mưu UBND tỉnh xử lý trách nhiệm đối với những tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

7. Giao Trưởng Đoàn Thanh tra tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức công khai Kết luận Thanh tra theo quy định pháp luật.

8. Giao Thanh tra tỉnh tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là kết luận Thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đất, giao khoán đất đối với Công ty cổ phần mía đường La Ngà. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các nhân nghiêm túc thực hiện, báo cáo kết quả lên Chủ tịch UBND tỉnh (đồng gửi Thanh tra tỉnh)./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các phó CT. UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên & Môi trường, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Tư pháp, Xây dựng, Nội vụ.
- Cục thuế tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh;
- UBND huyện Định Quán;
- UBND huyện Xuân Lộc;
- UBND các xã: Phú Ngọc, Gia Canh, La Ngà thuộc UBND huyện Định Quán; xã Suối Cao, Xuân Bắc thuộc huyện Xuân Lộc;
- Công ty cổ phần Mía đường La Ngà;
- Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng